

Bản án số: 43/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 22/8/2018
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Chu Văn Nghĩa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Quốc Huy; Bà Đinh Thị Tin.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Quang Linh – Thư ký Tòa án

nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thúy Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 190/2018/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2018/QĐXX-ST ngày 01 tháng 8 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2018/QĐST-HNGĐ ngày 17/8/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị T, sinh năm 1983.

Nơi ĐKKH: Đội 7, xã H, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú: Đội 6, thôn P, xã L, huyện Th, tỉnh Hải Dương. (Có mặt)

2. Bị đơn: Anh Phạm Thế Ph, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Đội 7, xã H, huyện K, tỉnh Hải Dương. (Có mặt)

3. Người làm chứng:

- Bà Vũ Thị S, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Đội 7, xã H, huyện K, tỉnh Hải Dương. (Vắng mặt)

- Ông Đỗ Văn Ph, sinh năm 1960;

Địa chỉ: Đội 6, thôn P, xã L, huyện Th, tỉnh Hải Dương. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, được bổ sung bởi biên bản tự khai, biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Đỗ Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Thế Ph kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và được đăng ký kết tại UBND xã H vào ngày 01/10/2014. Sau khi kết hôn, chị và anh Ph chung sống tại gia đình bố mẹ đẻ chị ở thôn P, xã L, huyện Th, tỉnh Hải Dương được khoảng nửa năm, đến đầu năm 2015 chị và anh Ph chuyển về gia đình anh Ph tại xã H, huyện K sinh sống. Trong quá trình chung sống, vợ chồng

thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Ph không có trách nhiệm với gia đình, vợ con; mọi chi tiêu sinh hoạt trong gia đình đều do một mình chị lo toan. Nhiều lần chị đã khuyên bảo anh Ph, song anh Ph không những không thay đổi mà còn chửi bới, đánh đập chị tàn nhẫn làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tinh thần và sức khỏe của chị. Ngoài ra, anh Ph còn có biểu hiện có quan hệ với người phụ nữ khác, mỗi lần chị khuyên bảo thì anh Ph lại đánh đập chị. Vào giữa năm 2017 chị đã yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, khi Tòa án hòa giải anh Ph đã xin lỗi và tự tay viết cam kết khắc phục nên chị đã cho anh Ph cơ hội để hàn gắn tình cảm, khi vợ chồng về đoàn tụ với nhau được thời gian ngắn thì anh Ph lại chửi bới, đánh đập chị; có lần anh Ph còn khóa cửa nhốt chị và con ở trong nhà định đốt cả hai mẹ con chị (chị đã cung cấp cho Tòa án các bức ảnh bị anh Ph đánh), việc anh Ph đánh chị vì đó là việc nội bộ trong gia đình nên chị không báo chính quyền địa phương mà chỉ nói cho bố mẹ đẻ chị biết. Đến đầu năm 2018, khi con chung của vợ chồng là cháu Phạm Mạnh Q chết, do không thể tiếp tục chịu đựng nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở cho đến nay. Từ thời gian đó đến nay vợ chồng chị không còn quan hệ tình cảm. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Ph.

- *Về con chung:* Chị và anh Ph có 02 con chung là cháu Phạm Mạnh C, sinh ngày 31/8/2015 và cháu Nguyễn Mạnh Q, sinh ngày 18/01/2018 (cháu Q đã chết ngày 02/3/2018). Khi vợ chồng mâu thuẫn và chị về gia đình bố mẹ đẻ ở, do cháu còn nhỏ nên chị có ý định mang cháu đi cùng nhưng do anh Ph ngăn cản nên hiện nay cháu vẫn ở cùng anh Ph. Cháu C còn nhỏ, cần sự chăm sóc của mẹ; mặt khác anh Ph tính cục cằn, nhiều lần đánh đập chị trước mặt cháu, nhốt chị và cháu trong nhà định đốt nên khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu, vì nếu anh Ph nuôi dưỡng thì sẽ ảnh hưởng đến tâm lý của cháu. Chị làm công nhân tại Công ty TNHH điện tử POYUN Việt Nam có thu nhập ổn định mỗi tháng từ 7 -8 triệu đồng, được bố mẹ đẻ tạo điều kiện về chỗ ở cũng như giúp đỡ chị trong việc trông nom, chăm sóc con chung nên đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng cháu. Nếu chị được nuôi con thì chị tự nguyện không yêu cầu anh Ph phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

- *Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng:* Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng chị không có tài sản chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** *Quan điểm của bị đơn, anh Phạm Thế Ph:***

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh và chị Đỗ Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do chị T ghen tuông vô cớ, nghi ngờ anh không chung thủy nên thường kiểm soát gắt gao; anh đã cố gắng giải thích để chị T hiểu, song nhiều lần chị T làm lớn chuyện làm ảnh hưởng công việc cũng như cuộc sống. Do không kiềm chế được bản thân dẫn đến vợ chồng cãi vã, xô xát nhau, nhiều lần vì bức tức nên anh đã đánh chị T. Lần gần đây nhất, vào tháng 4/2017, khi anh đi làm về muộn thì chị T gây sự và cho rằng anh đi với gái và xúc phạm anh, do bức tức anh đã đánh chị T một vài cái, sau

đó chị T đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở L, huyện Th, Hải Dương sinh sống. Sau khi chị T bỏ về nhà mẹ đẻ ở, bản thân anh đã nhiều lần đến gặp, xin lỗi và tìm chị T về đoàn tụ để nuôi dạy con. Tuy nhiên, chị T cương quyết không về đoàn tụ, từ đó vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi, chấm dứt mọi quan hệ về mặt tình cảm. Lời khai và tại Biên bản hòa giải ngày 29/6/2018 thì anh Ph xác định giữa anh và chị T rất nhiều mâu thuẫn và bất đồng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, nên anh đồng ý ly hôn; tuy nhiên tại Biên bản hòa giải ngày 01/8/2018 thì anh không đồng ý ly hôn vì anh chỉ đồng ý ly hôn nếu anh được quyền nuôi con chung.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 2 con chung cháu Phạm Mạnh C, sinh ngày 31/8/2015 và cháu Phạm Mạnh Q, sinh ngày 18/01/2018 (cháu Q đã chết ngày 02/3/2018). Hiện nay cháu C do anh nuôi dưỡng; anh đang làm cai thầu xây dựng ở địa phương, thu nhập bình quân mỗi tháng khoảng 12 triệu đồng nên đảm bảo việc nuôi con. Từ khi chị T về nhà bố mẹ đẻ ở để lại cháu C do anh nuôi dưỡng, chị T có một vài lần đến và có nguyện vọng được đón cháu, tuy nhiên do thời điểm đó cháu còn đang học nên anh không cho chị T đón cháu. Việc chị T xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh không đồng ý vì chị T từ khi bỏ đi đã để lại cháu cho anh nuôi dưỡng, bản thân chị T cũng không có đủ điều kiện kinh tế để nuôi dưỡng được cháu.

Nếu anh được nuôi con thì anh tự nguyện không yêu cầu chị T phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

- *Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng*: Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo yêu cầu của đương sự, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ về mâu thuẫn vợ chồng, về nuôi dưỡng con chung; cụ thể như sau:

- Xác minh tại Tư pháp và Hội phụ nữ xã H, huyện K: Xác định cuộc sống vợ chồng anh Phạm Thế Ph và chị Đỗ Thị T có mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng hiện đã sống ly thân. Con chung của vợ chồng là cháu Phạm Mạnh C hiện đang do anh Ph nuôi dưỡng, Hội phụ nữ xã đề nghị khi Tòa án giải quyết thì đề nghị xem xét đến quyền lợi của người phụ nữ.

- Bà Vũ Thị S (mẹ đẻ anh Phạm Thế Ph) xác định: Giữa anh Ph và chị T trong cuộc sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do chị T ghen tuông vô cớ. Từ khi cháu Q chết thì chị T đã bỏ hẳn về gia đình bố mẹ đẻ, vợ chồng sống ly thân từ đó tới nay. Cháu Phạm Mạnh C hiện do anh Ph nuôi dưỡng; bà xác định điều kiện nuôi dưỡng con chung của chị T không đảm bảo.

- Ông Đỗ Văn Ph, bố đẻ chị Đỗ Thị T xác định: Ông không biết cụ thể vợ chồng chị T, anh Ph mâu thuẫn như thế nào, nhưng thời gian vợ chồng chị T, anh Ph sống tại gia đình ông thì anh Ph cũng đã 1 lần dùng dao chém vào đầu chị T; khoảng tháng 4 năm 2017 khi vợ chồng anh Ph về huyện K sinh sống thì anh Ph gây sự, khóa trái cửa rồi đốt nhà, nói đốt chết mẹ con chị T. Thời gian gần đây thì chị T nói thường xuyên bị anh Ph đánh đập, khi bị đánh thì gia đình chồng không can ngăn, bênh vực; ông nhìn thấy chị T có nhiều vết bầm tím trên người. Trước đó thì cũng đã có lần chị

T bỏ về gia đình ông sinh sống, sau đó anh Ph sang xin lỗi nên gia đình ông đã động viên chị T về để vợ chồng tiếp tục chung sống; nhưng cách đây khoảng 4 tháng thì do chị T bị Ph đánh đập nên đã về ở hẳn tại gia đình ông cho đến nay. Ông đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị T được ly hôn để đảm bảo sức khỏe và tính mạng.

Con chung của vợ chồng chị T là cháu Phạm Mạnh C, sinh ngày 31/8/2015; cháu có 01 con sinh năm 2018 nhưng đã mất sau khi sinh. Từ khi vợ chồng chị T sống ly thân thì cháu C vẫn đang ở cùng với anh Ph, chị T tuần một vài lần vẫn mua quần áo, đường sữa về chơi với con. Hiện nay cháu vẫn còn nhỏ nên ông đề nghị Tòa án xem xét giao cháu C cho chị T nuôi dưỡng để đảm bảo việc chăm sóc được tốt nhất. Nếu cháu được nuôi con thì vợ chồng ông cam đoan sẽ tạo điều kiện về chỗ ăn ở, kinh tế và giúp đỡ cháu trong việc trông nom con cái khi chị T đi làm.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh Ph và giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi con chung.

- Bị đơn là anh Phạm Thế Ph không đồng ý ly hôn và có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi nghị án, Thẩm phán, hội thẩm nhân dân, thư ký Tòa án đã cơ bản thực hiện đúng quy định pháp luật; tuy nhiên việc giao hồ sơ vụ án và Quyết định đưa vụ án ra xét xử chưa đảm bảo thời gian theo quy định. Nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật và của Tòa án; bị đơn chưa chấp hành, chưa tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật khi vắng mặt tại phiên tòa lần 1.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56; khoản 3 Điều 81; Điều 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đỗ Thị T được ly hôn anh Phạm Thế Ph. Về con chung: Giao cho chị Đỗ Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Phạm Mạnh C, sinh ngày 31/8/2015 đến khi đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh Ph cấp dưỡng nuôi con chung. Người không trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết. Về án phí: Chị Đỗ Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Đây là vụ án về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Phạm Thế Ph hiện đang cư trú, sinh sống tại xã H, huyện K, tỉnh Hải Dương nên thẩm quyền giải quyết

vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Đỗ Thị T và anh Phạm Thế Ph đã được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương vào ngày 01/10/2014 nên quan hệ hôn nhân giữa chị Đỗ Thị T và anh Phạm Thế Ph là hợp pháp.

[3] Căn cứ các tài liệu chứng cứ đã được thu thập trong quá trình giải quyết vụ án, xác định: Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng chị T, anh Ph phát sinh nhiều mâu thuẫn, năm 2017 do cuộc sống vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng nên chị T đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nhưng sau đó do anh Ph viết bản cam kết hứa sẽ thay đổi nên chị T đã rút yêu cầu khởi kiện. Nhưng sau đó trong cuộc sống vợ chồng tiếp tục phát sinh mâu thuẫn, mặc dù mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên bảo nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không hàn gắn được. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án cũng đã nhiều lần triệu tập chị T, anh Ph để tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành, vợ chồng không khắc phục được mâu thuẫn, vẫn tiếp tục sống ly thân và cũng không có những biện pháp cụ thể để khắc phục mâu thuẫn. Anh Ph xác định trong cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn, quan điểm ban đầu của anh đồng ý ly hôn, nhưng sau đó thay đổi quan điểm không đồng ý ly hôn với chị T vì anh chỉ đồng ý ly hôn khi được quyền nuôi con là không có căn cứ, không được chấp nhận. Tại phiên tòa hôm nay chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn. Do vậy, có đủ căn cứ để xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị T, xử cho chị T được ly hôn với anh Phạm Thế Ph là phù hợp với tình trạng hôn nhân thực tế giữa hai vợ chồng và đảm bảo đúng quy định tại các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về con chung*: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Phạm Mạnh C, sinh ngày 31/8/2015. Khi vợ chồng ly thân thì cháu hiện đang được anh Ph nuôi dưỡng. Chị T và anh Ph đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu người không trực tiếp nuôi con phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét yêu cầu này thì thấy: Tính đến thời điểm xét xử thì cháu Phạm Mạnh C chưa đủ 36 tháng tuổi, theo quy định của pháp luật thì con dưới 36 tháng tuổi sẽ được giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng; và hiện nay cháu còn nhỏ nên cần sự chăm sóc của mẹ. Chị T cung cấp cho Tòa án tài liệu chứng cứ chứng minh có công việc và thu nhập ổn định và được gia đình bố mẹ đẻ cam đoan tạo điều kiện trong về chỗ ở và giúp đỡ trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung nên đảm bảo điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Do vậy, để đảm bảo trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, cần giao con chung là cháu Phạm Mạnh C cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng là đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung là phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình. Chị T có quan điểm tự nguyện không yêu cầu anh

Ph phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị, xét thấy đây là sự tự nguyện của đương sự nên chấp nhận.

[5] *Về tài sản, nợ chung vợ chồng*: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[6] *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội.

Vì các lý trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- *Căn cứ*: Điều 39 của Bộ luật dân sự. Các Điều 51, Điều 56; khoản 3 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình. khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự. Luật phí và lệ phí. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội.

- *Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị T*:

+ *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Đỗ Thị T được ly hôn với anh Phạm Thế Ph.

+ *Về con chung*: Giao cho chị Đỗ Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Phạm Mạnh C, sinh ngày 31/8/2015 kể từ tháng 8/2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T về việc không yêu cầu anh Phạm Thế Ph phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

+ *Về tài sản, nợ chung vợ chồng*: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

+ *Về án phí*: Chị Đỗ Thị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm; được đối trừ với số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương theo Biên lai nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2017/0001627 ngày 31/5/2018. Chị T đã thực hiện xong nghĩa vụ án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm; có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho Nguyên đơn biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 6; 7; 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

- *Nơi nhận*:

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- + VKSND huyện Kinh Môn.
- + Chi cục THADS huyện Kinh Môn.
- + UBND xã H, Kinh Môn.
- + Các đương sự.
- + Lưu hồ sơ vụ án.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Chu Văn Nghĩa